TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 2 – ĐIỆN BIÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 41/2026/HNGĐ-ST
Ngày 30/6/2026
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 - TỈNH ĐIỆN BIÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nga

Các hội thẩm nhân dân: 1. Bà Lò Thị Vinh

2. Ông Lò Văn Chương.

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Cà Thị Phương - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 2 – tỉnh Điện Biên.

Ngày 30 tháng 6 năm 2026, tại phòng xử án Tòa án nhân dân khu vực 2- tỉnh Điện Biên mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 175/2026/TLST-HNGĐ ngày 06/4/2026 về: ly hôn, tranh chấp nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 41/2026/QĐXX-ST ngày 15 tháng 6 năm 2026 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Sộng Thị S, sinh năm 2002. Nơi cư trú: bản C, xã T, tỉnh Điện Biên (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

Bị đơn: Anh Giàng A C, sinh năm 1999. Nơi cư trú: bản C, xã T, tỉnh Điện Biên. Hiện đang chấp hành án tại đội 33-38, phân trại số 1, Trại giam Hồng Ca – Cục C10. (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 03/4/2026, bản tự khai của nguyên đơn chị Sộng Thị S và bản tự khai của anh Giàng A C ngày 28/5/2026 cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, nội dung vụ án cụ thể như sau:

1. Về hôn nhân: Chị S và anh C đều khai cả hai quen biết tìm hiểu nhau và tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện Đ, tỉnh Điện Biên nay là xã T, tỉnh Điện Biên giấy đăng ký kết hôn số 38/2022 ngày 04/10/2022. Sau kết hôn cả hai Cng sống hạnh phúc đến năm 2023 thì anh C vi phạm pháp luật bị bắt đi tù đến nay, chị S thấy rằng cuộc sống hôn nhân chỉ trên danh nghĩa, chị S không còn tình cảm với anh C nữa nên yêu cầu được ly hôn.

Về vấn đề này anh C cũng có lời khai thể hiện từ sau khi bị bắt đi chấp hành án tình cảm vợ chồng không còn nên đồng ý ly hôn với chị S.

2. Về con Cng: Các đương sự đều khai có một con Cng là cháu Giàng Chí D, sinh ngày 15/12/2021. Hiện nay cháu D đang ở với chị S tại bản C, xã T tỉnh Điện Biên. Chị S có nguyện vọng được nuôi con và không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con.

Về nội dung này anh C nhất trí với trình bày và nguyện vọng của chị S vì anh C đang chấp hành án không thể trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con Cng được.

3. Về tài sản Cng, riêng; nợ Cng, riêng của hai vợ chồng: Các đương sự đều trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Các đương sự đều có đơn xin xét xử vắng mặt tại phiên tòa.

5. Vụ án không thuộc trường hợp Viện kiểm sát tham gia phiên tòa theo Điều 21 Bộ luật Tố tụng dân sự.

XÉT THẤY:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Xét quan hệ giải quyết, thẩm quyền và sự vắng mặt của các đương sự tại phiên tòa:

Chị Sộng Thị S yêu cầu ly hôn, tranh chấp nuôi con với anh Giàng A C, cư trú tại xã Tìa Dình, tỉnh Điện Biên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án khu vực 2 theo khoản 1 Điều 28; Điều 35; khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa các đương sự đều có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 228; Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Xét yêu cầu xin ly hôn của chị Sộng Thị S thấy rằng:

Chị Sộng Thị S và anh Giàng A C kết hôn ngày 04/10/2022 tại UBND xã Tìa Dình, huyện Điện Biên Đông, tỉnh Điện Biên (nay là xã Tìa Dình, tỉnh Điện Biên) tại thời điểm đăng ký kết hôn hai bên tự nguyện, đủ tuổi kết hôn, UBND xã Tìa Dình cấp giấy chứng nhận kết hôn số 38/2022 ngày 04/10/2022 là đúng quy định của pháp luật. Do đó có căn cứ khẳng định hôn nhân giữa chị Sộng Thị S và anh Giàng A C là hợp pháp, được pháp luật bảo vệ.

Nay chị S xin ly hôn anh C vì lý do anh C đi tù từ năm 2023 đến nay, tình cảm vợ chồng không còn. Hội đồng xét xử thấy rằng mặc dù việc anh C bị kết án và phải chấp hành hình phạt tù không phải là căn cứ cho ly hôn nhưng việc anh C đi tù đã làm cho quan hệ vợ chồng không còn khả năng duy trì, vợ chồng không còn Cng sống, không thực hiện quyền và nghĩa vụ với nhau dẫn đến tình cảm của chị S thay đổi không muốn duy trì quan hệ hôn nhân với anh C, nhận thức được vấn đề trên anh C đồng ý ly hôn. Do đó, Hội đồng xé xử có căn cứ để khẳng định tình trạng hôn nhân giữa chị S và anh C đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống Cng không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận cho chị Sộng Thị S được ly hôn với anh Giàng A C theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con Cng: Các đương sự có một con Cng là cháu Giàng Chí D, sinh ngày 15/12/2021 đang ở với chị S tại bản Ca Ta 1, xã T, tỉnh Điện Biên. Hiện nay anh C đang chấp hành án không thể trực tiếp chăm sóc nuôi con Cng nên cần chấp nhận nguyện vọng nuôi con của chị S là phù hợp theo quy định tại các Điều 81; Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị S không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Các bên có quyền đề nghị thay đổi người trực tiếp nuôi con khi có yêu cầu theo Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về tài sản Cng riêng; nợ Cng, riêng của các đương sự: các đương sự khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí*:* chị Sộng Thị S có đơn xin miễn án phí vì là người dân tộc thiểu số, sinh sống tại xã có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn. Do đó, theo khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12; Điều 14, khoản 6 Điều 15 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án. Hội đồng xét xử miễn án phí dân sự sơ thẩm cho chị S.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

- Áp dụng khoản 1 Điều 28; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 228; Điều 271 và Điều 273; Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Áp dụng điểm đ khoản 1 điều 12, Điều 14, khoản 6 Điều 15 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho chị Sộng Thị S được ly hôn với anh Giàng A C.

2. Về con Cng: Giao cháu Giàng Chí D, sinh ngày 15/12/2021 cho chị Sộng Thị S trực tiếp trông nom, chăm sóc và nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu thành niên và có khả năng lao động và có tài sản để tự nuôi mình.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị S không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Anh Giàng A C được quyền đi lại thăm nom con Cng không ai được cản trở.

Quyền nuôi con và cấp dưỡng nuôi con có thể được thay đổi sau ly hôn khi có yêu cầu.

3. Về tài sản Cng riêng; nợ Cng, riêng của các đương sự: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Chị Sộng Thị S được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Sộng Thị S và anh Giàng A C được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND khu vực 2 – Điện Biên;
- CCTHADS khu vực 2- Điện Biên;
- Phòng KTNV và THA TAND tỉnh ĐB;
- UBND xã Tìa Dình, tỉnh Điện Biên
- Lưu hồ sơ vụ án.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Nguyễn Thị Nga

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lò Thị Vinh Lò Văn Chương Nguyễn Thị Nga